

Số: 684 /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 09 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2018
Dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Hà Tĩnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Hiệp định số 5113-VN được ký ngày 09/8/2012 giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ngân hàng Thế giới (WB); Quyết định số 94/QĐ-CTN ngày 22/01/2018 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc gia hạn thời gian khóa sổ khoản vay của Dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 02/11/2017 của Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững vay vốn WB;

Căn cứ Quyết định số 698/QĐ-BNN-HTQT ngày 30/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững; Quyết định số 5264/QĐ-BNN-HTQT ngày 18/12/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung nội dung Quyết định số 698/QĐ-BNN-HTQT ngày 30/3/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Quyết định số 2252/QĐ-BNN-KH ngày 18/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững;

Căn cứ Sổ tay hướng dẫn thực hiện Dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững vốn vay Ngân hàng Thế giới tại Quyết định số 770/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Căn cứ Quyết định số 342/QĐ-BNN-HTQT ngày 23/02/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt bổ sung khoản viện trợ không hoàn lại của Quỹ Môi trường Toàn cầu cho Dự án CRSD vay vốn WB;

Căn cứ Quyết định số 3221/QĐ-UBND ngày 29/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể Dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Văn bản số 171/DANN-KHKT ngày 31/01/2018 của Ban Quản lý các Dự án Nông nghiệp về việc phê duyệt kế hoạch chi tiết năm 2018 tại PPMU các dự án do APMB làm chủ Dự án;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 56/TTr-SNN ngày 27/02/2018; Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 133/TTr-SKH ngày 06/3/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2018 Dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Hà Tĩnh với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Nội dung và kết quả hoạt động thực hiện năm 2018:

1.1. Tăng cường năng lực thể chế quản lý nghề cá bền vững.

1.2. Thực hành tốt trong nuôi trồng thủy sản bền vững.

1.3. Quản lý bền vững ngành đánh bắt thủy sản ven bờ.

1.4. Quản lý, giám sát và đánh giá dự án.

2. Kinh phí và tiến độ thực hiện kế hoạch:

2.1. Kinh phí hoạt động năm 2018:

Tổng số: 27.303 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn IDA: 16.843 triệu đồng;

+ Vốn GEF: 4.736 triệu đồng;

+ Vốn Đối ứng ngân sách tỉnh: 3.838 triệu đồng;

+ Vốn Đối ứng đơn vị hưởng lợi: 1.886 triệu đồng.

2.2. Tiến độ thực hiện kế hoạch: Theo Phụ lục đính kèm.

(Có bản chi tiết Kế hoạch hoạt động và kinh phí năm 2018 kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chủ dự án); Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, phó VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, NL. (9)

Handwritten signature

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Ngọc Sơn

Phụ lục: Kế hoạch hoạt động và kinh phí thực hiện năm 2018
Dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Hà Tĩnh
(Kèm theo Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 09/3/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

TT	Hạng mục chỉ tiêu	Chi phí các hoạt động năm 2018															Ghi chú
		Tổng số	IDA	GEF	Địa phương	Tư nhân	Trong đó:										
							Thanh toán khối lượng công việc đã thực hiện					Các hoạt động thực hiện năm 2018					
							Tổng số	IDA	GEF	Địa phương	Tư nhân	Tổng số	IDA	GEF	Địa phương	Tư nhân	
	DỰ ÁN NGUỒN LỢI VEN BIỂN VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	27.303	16.843	4.736	3.838	1.886	11.607	6.571	4.736	300	-	15.696	10.272	-	3.538	1.886	
1	Hợp phần A - Tăng cường năng lực thể chế cho quản lý nguồn lợi thủy sản bền vững	2.267	-	2.267	-	-	2.267	-	2.267	-	-	-	-	-	-	-	
a	Quy hoạch không gian ven bờ	2.267	-	2.267	-	-	2.267	-	2.267	-	-	-	-	-	-	-	-
	1. Đào tạo, tập huấn về quản lý vùng ven biển và QHKG	300	-	300	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-	-	
	2. Khảo sát, đánh giá MT, XH khu vực ven biển	258	-	258	-	-	258	-	258	-	-	-	-	-	-	-	
	3. Đánh giá đa dạng sinh học và các nguồn lợi biển	934	-	934	-	-	934	-	934	-	-	-	-	-	-	-	
	4. QH không gian tổng hợp cho nuôi trồng, đánh bắt thủy sản ven bờ	775	-	775	-	-	775	-	775	-	-	-	-	-	-	-	
b	Nghiên cứu hỗ trợ quy hoạch tổng thể cấp tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	1. Nghiên cứu hỗ trợ quy hoạch tổng thể của tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	2. Đánh giá môi trường chiến lược	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	3. Hội thảo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
c	Nâng cấp cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin nghề cá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	1. Đào tạo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	2. Cán bộ hợp đồng thu thập thông tin, duy trì hệ thống	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	



TT	Hạng mục chi tiêu	Chi phí các hoạt động năm 2018															Ghi chú	
		Tổng số	IDA	GEF	Địa phương	Tư nhân	Trong đó:											
							Thanh toán khối lượng công việc đã thực hiện					Các hoạt động thực hiện năm 2018						
							Tổng số	IDA	GEF	Địa phương	Tư nhân	Tổng số	IDA	GEF	Địa phương	Tư nhân		
d	Thiết lập hệ thống quản lý tri thức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	1. Xây dựng trang web của tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	2. Đào tạo, tập huấn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	3. Duy trì, cập nhật trang web	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Hợp phần B - Thực hành tốt trong nuôi trồng thủy sản bền vững	13.467	9.624	-	1.958	1.886	1.871	1.714	-	157	-	11.596	7.910	-	1.800	1.886		
a	Nâng cấp ATSH tại các vùng nuôi được lựa chọn	10.190	8.285	-	1.905	-	1.389	1.285	-	105	-	8.800	7.000	-	1.800	-	-	
	1. Thông tin tuyên truyền	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	2. Xây dựng mô hình trình diễn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	3. Đào tạo cán bộ khuyến nông và nông dân về GAP/BMP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	4. Nâng cấp ATSH tại các vùng nuôi	9.545	7.714	-	1.831	-	807	714	-	93	-	8.738	7.000	-	1.738	-	-	
	- HTKT đánh giá và quy hoạch vùng nuôi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng nuôi (6 vùng nuôi)	714	714	-	-	-	714	714	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	+ Nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản ATSH Kỳ Thu - huyện Kỳ Anh	8.500	7.000	-	1.500	-	-	-	-	-	-	8.500	7.000	-	1.500	-	-	
	- Vốn đối ứng của tỉnh cho nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng nuôi	331	-	-	331	-	93	-	-	93	-	238	-	-	238	-	-	
	5. Chứng nhận GAP/BMP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	6. Truy xuất nguồn gốc con giống sử dụng trong vùng GAP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	7. Tư vấn HTKT nâng cấp ATSH vùng nuôi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	8. Tăng cường cho các cơ quan khuyến nông tỉnh và huyện	394	320	-	74	-	332	320	-	12	-	62	-	-	62	-	-	

TT	Hạng mục chi tiêu	Chi phí các hoạt động năm 2018														Ghi chú	
		Tổng số	IDA	GEF	Địa phương	Tư nhân	Trong đó:										
							Thanh toán khối lượng công việc đã thực hiện					Các hoạt động thực hiện năm 2018					
							Tổng số	IDA	GEF	Địa phương	Tư nhân	Tổng số	IDA	GEF	Địa phương		Tư nhân
	- Đối ứng của tỉnh cho nâng cấp văn phòng cơ quan khuyến nông	74	-	-	74	-	12			12	-	62			62		
	- Nâng cấp văn phòng cơ quan khuyến nông	320	320	-	-	-	320	320				-					
	9. Đánh giá độc lập sự tuân thủ GAP	250	250	-	-	-	250	250				-					
	10. Hình thành liên kết giữa người NTTS với thị trường	-		-	-	-	-					-					
	11. Hội thảo, hội nghị giám sát, đánh giá	-		-	-	-	-					-					
b	Nâng cao chất lượng giống (sử dụng con giống sạch bệnh SPF)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	1. Thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức	-		-	-	-	-					-					
	2. Đào tạo/tập huấn cho CB khuyến nông và các trại sx giống SPF	-		-	-	-	-					-					
	3. Hỗ trợ nâng cấp cơ sở vật chất đảm bảo ATSH các trại sản xuất giống	-	-	-	-	-	-					-					
	4. Tư vấn thiết kế/giám sát t/công nâng cấp CSHT công phục vụ sx giống	-	-	-	-	-	-					-					
	5. Hỗ trợ CSHT công phục vụ sản xuất con giống	-	-	-	-	-	-					-					
	6. Đánh giá chứng nhận trại sản xuất giống	-	-	-	-	-	-					-					
	7. Kiểm tra, theo dõi giống bố mẹ và chất lượng con giống	-	-	-	-	-	-					-					
	8. Nghiên cứu quy hoạch sản xuất giống	-	-	-	-	-	-					-					
c	Tăng cường hệ thống thú y thủy sản (AAHM)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

TT	Hạng mục chỉ tiêu	Chi phí các hoạt động năm 2018															Ghi chú
		Tổng số	IDA	GEF	Địa phương	Tư nhân	Trong đó:										
							Thanh toán khối lượng công việc đã thực hiện					Các hoạt động thực hiện năm 2018					
							Tổng số	IDA	GEF	Địa phương	Tư nhân	Tổng số	IDA	GEF	Địa phương	Tư nhân	
	1. Tăng cường năng lực chuẩn đoán dịch bệnh cấp tỉnh và huyện	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	- Xây dựng/nâng cấp Chi cục Thú y tỉnh; trạm thú y huyện	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	- Đối ứng của tỉnh cho nâng cấp trạm thú y tỉnh/huyện	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	- Đào tạo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	2. Giám sát dịch bệnh			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	3. Thiết lập và duy trì mạng lưới báo cáo dịch bệnh			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	4. Đào tạo, tập huấn cho cán bộ thú y cơ sở	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	5. Tổ chức họp hàng tháng cán bộ thú y huyện	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	6. Khống chế dịch bệnh bùng phát (hóa chất sát trùng...)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	7. Thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	8. Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật quản lý thú y thủy sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
d	Đa dạng hóa NTTS	2.848	910	-	52	1.886	52	-	-	52	-	2.796	910	-	-	1.886	
	1. Phục hồi trại sản xuất giống cấp tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Đối ứng của tỉnh cho nâng cấp trại giống	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Xây lắp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Thiết bị	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	2. Thiết lập mô hình trình diễn	2.796	910	-	-	1.886	-	-	-	-	-	2.796	910	-	-	1.886	
	3. Nâng cấp cơ sở hạ tầng hỗ trợ đa dạng hóa vùng nuôi Hộ Đệ	52	-	-	52	-	52	-	-	52	-	-	-	-	-	-	
	5. Tập huấn cho cán bộ khuyến nông, trại sx giống và nông dân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	

TT	Hạng mục chi tiêu	Chi phí các hoạt động năm 2018															Ghi chú
		Tổng số	IDA	GEF	Địa phương	Tư nhân	Trong đó:										
							Thanh toán khối lượng công việc đã thực hiện					Các hoạt động thực hiện năm 2018					
							Tổng số	IDA	GEF	Địa phương	Tư nhân	Tổng số	IDA	GEF	Địa phương	Tư nhân	
	6. Thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	7. Đánh giá, hội thảo, hội nghị	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
e	Giám sát chất lượng nước	429	429	-	-	-	429	429	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	1. Hỗ trợ Sở Tài nguyên & Môi trường	70	70	-	-	-	70	70	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Đào tạo	70	70	-	-	-	70	70	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	2. Giám sát chất lượng nước	306	306	-	-	-	306	306	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	3. Hội thảo, hội nghị	53	53	-	-	-	53	53	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Hợp phần C - Quản lý bền vững ngành đánh bắt thủy sản ven bờ	9.956	7.220	2.469	267	-	7.469	4.858	2.469	142	-	2.487	2.362	-	125	-	-
a	Xây dựng mô hình đồng quản lý ở cấp xã và huyện	4.131	1.497	2.469	164	-	4.012	1.497	2.469	45	-	119	-	-	119	-	-
	1. Thành lập đội đồng quản lý	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	2. Nâng cấp trụ sở hoạt động cho đội đồng quản lý	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	3. Thiết bị văn phòng, thông tin liên lạc	1.569	-	1.569	-	-	1.569	-	1.569	-	-	-	-	-	-	-	-
	4. Tư vấn Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng quy chế và thỏa thuận đồng quản lý	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	5. Phân giới cắm mốc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	<i>5a. Phân giới cắm mốc các xã</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	<i>5b. Phân giới khu vực đa dạng sinh học</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Phân giới cắm mốc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Thành lập tổ đồng quản lý khu đa dạng sinh học (trên cơ sở các tổ chức đồng quản lý tại địa phương đã có)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Nâng cao năng lực cho tổ đồng quản lý đa dạng sinh học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

TT	Hạng mục chỉ tiêu	Chi phí các hoạt động năm 2018															Ghi chú
		Tổng số	IDA	GEF	Địa phương	Tur nhân	Trong đó:										
							Thanh toán khối lượng công việc đã thực hiện					Các hoạt động thực hiện năm 2018					
							Tổng số	IDA	GEF	Địa phương	Tur nhân	Tổng số	IDA	GEF	Địa phương	Tur nhân	
	- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Hỗ trợ trang thiết bị tuần tra, kiểm tra, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	-Phát triển, chuyển đổi sinh kế cho cộng đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	6. Hoạt động giám sát và diễn tập	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	7. Đào tạo, tập huấn (bao gồm cấp giấy phép)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	8. Hỗ trợ bổ sung cho các cộng đồng ngư dân nghèo	2.562	1.497	900	164	-	2.443	1.497	900	45	-	119	-	-	119	-	
	- Đối ứng của tỉnh cho nâng cấp cơ sở hạ tầng công	164	-	-	164	-	45	-	-	45	-	119	-	-	119	-	
	- Xây dựng cơ sở hạ tầng công	1.497	1.497	-	-	-	1.497	1.497	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Hỗ trợ thành viên trong hộ (giáo dục, đào tạo việc làm)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Mô hình sinh kế	900	-	900	-	-	900	-	900	-	-	-	-	-	-	-	
b	Hệ thống theo dõi, kiểm soát và giám sát (MCS)	45	-	-	45	-	45	-	-	45	-	-	-	-	-	-	
	1. Thiết bị cho lực lượng tuần tra, kiểm soát của tỉnh	45	-	-	45	-	45	-	-	45	-	-	-	-	-	-	
	- Cải hoán/dóng mới, trang thiết bị thông tin liên lạc cho tàu kiểm ngư	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Đối ứng của tỉnh nâng cấp VP cho Chi cục KT&BVNLTS, xây dựng trạm MCS	45	-	-	45	-	45	-	-	45	-	-	-	-	-	-	
	- Nâng cấp VP cho Chi cục KT&BVNLTS, xây dựng trạm MCS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	+ Nâng cấp VP Chi cục KT&BVNL	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	

TT	Hạng mục chi tiêu	Chi phí các hoạt động năm 2018														Ghi chú	
		Tổng số	IDA	GEF	Địa phương	Tư nhân	Trong đó:										
							Thanh toán khối lượng công việc đã thực hiện					Các hoạt động thực hiện năm 2018					
							Tổng số	IDA	GEF	Địa phương	Tư nhân	Tổng số	IDA	GEF	Địa phương		Tư nhân
	+ Xây dựng trạm MCS và nâng cấp trụ sở cho đội đồng quản lý	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	2. Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật hoạt động kiểm soát, tuần tra, giám sát khai thác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	3. Đào tạo, tập huấn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	4. Thực hiện tuần tra, giám sát hoạt động khai thác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	5. Thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	6. Thiết lập đường dây nóng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	7. Thực thi đăng ký, cấp phép và kiểm soát số lượng tàu cá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
c	Nâng cấp cơ sở hạ tầng nghề cá	5.780	5.723	-	58	-	3.413	3.361	-	52	-	2.368	2.362	-	6	-	
	1. Nâng cấp cảng cá Thạch Kim và Xuân Hội	5.780	5.723	-	58	-	3.413	3.361	-	52	-	2.368	2.362	-	6	-	
	- Đối ứng của tỉnh cho nâng cấp cảng cá	58	-	-	58	-	52	-	-	52	-	6	-	-	6	-	
	- Xây lắp	2.362	2.362	-	-	-	-	-	-	-	-	2.362	2.362	-	-	-	
	- Thiết bị	3.361	3.361	-	-	-	3.361	3.361	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Đào tạo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	3. Đối ứng của tỉnh cho đền bù TĐC và các hoạt động khác có liên quan (nếu có)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
4	Hợp phần D - Quản lý, giám sát và đánh giá dự án	1.613	-	-	1.613	-	-	-	-	-	-	1.613	-	-	1.613	-	
a	Chi đầu tư	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	1. Sửa chữa, nâng cấp văn phòng PPMU	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Đối ứng của tỉnh cho sửa chữa, nâng cấp văn phòng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Sửa chữa, nâng cấp văn phòng PPMU	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	



TT	Hạng mục chi tiêu	Chi phí các hoạt động năm 2018															Ghi chú
		Tổng số	IDA	GEF	Địa phương	Tư nhân	Trong đó:										
							Thanh toán khối lượng công việc đã thực hiện					Các hoạt động thực hiện năm 2018					
							Tổng số	IDA	GEF	Địa phương	Tư nhân	Tổng số	IDA	GEF	Địa phương	Tư nhân	
	- Thiết bị văn phòng, nội thất cho PPMU																
	2. Nâng cao năng lực	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Hội nghị, hội thảo của PPMU	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Đào tạo về mua sắm, quản lý tài chính, quản lý dự án của PPMU	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Thăm quan học tập (trong nước)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	3. Giám sát, đánh giá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Giám sát, đánh giá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Đào tạo về giám sát, đánh giá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	4. Thực hiện kế hoạch quản lý MT và XH (ESMP)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Thực hiện ESMP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Đào tạo về ESMP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	5. Quản lý tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Kiểm toán, kiểm soát nội bộ hệ thống quản lý tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Đào tạo về kiểm toán nội bộ hệ thống quản lý tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	6. Hỗ trợ kỹ thuật	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Tư vấn trong nước về NTTS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Tư vấn trong nước về KTTS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
b	Chi thường xuyên	1.613	-	-	1.613	-	-	-	-	-	-	1.613	-	-	1.613	-	
	1. Lương cho cán bộ PPMU	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	2. Chi hoạt động	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	3. Chi phí QLDA theo tỷ lệ cho các TDA xây dựng	1.613	-	-	1.613	-	-	-	-	-	-	1.613	-	-	1.613	-	
	Tổng cộng	27.303	16.843	4.736	3.838	1.886	11.607	6.571	4.736	300	-	15.696	10.272	-	3.538	1.886	

UBND TỈNH HÀ TĨNH

Đặng Văn...